TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÌNH LẬP** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/HS-ST
Ngày 24-12-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÌNH LẬP, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Chung

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoàng Thị Hồng Nhung

Bà Hà Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Trường – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Quang Thịnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 và 24 tháng 12 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 10/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/HSST-QĐ, ngày 20/12/2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn T, tên gọi khác: Không; sinh ngày 06 tháng 9 năm 1997, tại huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký HKTT: Thôn L, xã S, huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: Thôn P, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn T1, sinh năm 1968 và bà: Vũ Thị N, sinh năm 1974; vợ: Đào Thủy T, sinh năm 1999; con: Có 01 con, sinh năm 2019; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị pháp luật xử lý; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 06 tháng 4 năm 2021, hiện vẫn đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn đến nay, có mặt.

2. Lý Văn C, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 21 tháng 3 năm 1990, tại huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn H, xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lý Văn T (đã chết) và bà: Vi Thị H, sinh năm 1967; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị pháp luật xử lý; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12 tháng 4 năm 2021, hiện vẫn đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

3. Hoàng Đức D, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 17 tháng 10 năm 1996, tại huyện S, tỉnh Bắc Giang; nơi cư trú: Thôn K, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Hoàng Văn T, sinh năm 1976 và bà: Lương Thị H, sinh năm 1975; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị pháp luật xử lý; Bị can bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30 tháng 3 năm 2021, hiện vẫn đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người bào chữa: Bà Bạch Ánh T là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

4. Bế Văn B, tên gọi khác: Không có; sinh ngày 28 tháng 4 năm 1996, tại huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nơi cư trú: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 08/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Bế Văn P (đã chết) và bà: Nông Thị N, sinh năm 1966; vợ, con: Chưa có; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị pháp luật xử lý; bị cáo bị tạm giam từ ngày 06 tháng 4 năm 2021, hiện vẫn đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Mã Văn T, sinh năm 1991; địa chỉ: Khu *, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

2. Anh Chu Văn L, sinh năm 1994; địa chỉ: Khu *, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt;

3. Anh Vy Hồng C, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu *, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

4. Anh Bế Văn K, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

5. Anh Trần Đại N, sinh năm 1993; địa chỉ: Khu *, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

6. Anh Dương Văn H, sinh năm 1990; địa chỉ: Khu *, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

7. Anh Bế Công D, sinh ngày 15/11/2003; địa chỉ: Thôn P, xã B, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

8. Anh Vi Đức M, sinh năm 2000; địa chỉ: Thôn K, xã C, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt;

9. Anh Bùi Hoàng H, sinh ngày 26/5/2002; địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt;

10. Anh Vi Phương H, sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn P, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

11. Chị Đào Thủy T, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn P, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Đức D không có việc làm nên đã hỏi Trần Văn T có việc gì làm để kiếm tiền không, biết Hoàng Đức D là người nghiện ma túy đồng thời Hoàng Đức D cũng đang nợ tiền mình nên Trần Văn T đã hỏi Hoàng Đức D có đồng ý đi bán ma túy đá cho Trần Văn T tại khu vực thị trấn Đ hay không, Hoàng Đức D đồng ý, Trần Văn T thỏa thuận mỗi tháng trả tiền công cho Hoàng Đức D 6.000.000 đồng. Giữa tháng 3/2021 Trần Văn T liên lạc qua điện thoại hỏi mua ma túy với số tiền là 8.000.000 (tám triệu đồng) với một người phụ nữ không rõ tên tuổi, địa chỉ, người phụ nữ này bảo Trần Văn T chuyển khoản tiền mua ma túy cho người bán trước và hẹn đưa ma túy cho Trần Văn T ở khu vực cầu A thuộc Xóm H, xã V, huyện S, tỉnh Bắc Giang. Trần Văn T chuyển tiền vào số tài khoản của người phụ nữ bán ma túy cho Trần Văn T (đến nay không nhớ số tài khoản) với số tiền 8.000.000 (tám triệu đồng) rồi Trần Văn T dùng xe ô tô biển kiểm soát 12A-142.53 mượn của Đặng Hiệu V, đi đón Hoàng Đức D đi cùng lấy ma túy, cả hai người cùng đi đến khu vực cầu A thuộc Xóm H, xã V, huyện S để lấy ma túy, đến địa điểm đã hẹn trước Trần Văn T đỗ xe vào bãi đất trống cạnh Quốc lộ 31, khoảng 05 phút sau có một xe ô tô, loại xe 04 chỗ, màu sơn trắng, không rõ biển kiểm soát đi đến và dừng xe cách xe của Trần Văn T khoảng 20m, người phụ nữ gọi điện cho Trần Văn T bảo "ra lấy ma túy", Trần Văn T xuống xe một mình đi bộ đến cửa xe phía sau bên lái thì người phụ nữ trong xe hạ của kính xe xuống đưa ma túy đá cho Trần Văn T, số ma túy này được đựng trong một túi ni lông màu trắng. Lấy được ma túy Trần Văn T điều khiển xe chở Hoàng Đức D đi về nhà Trần Văn T. Tại nhà riêng của Trần Văn T, Trần Văn T đã đưa ma túy cho Hoàng Đức D sử dụng và ngủ qua đêm tại nhà Trần Văn T, đến trưa hôm sau do chưa thuê được nhà trên Đình Lập nên Trần Văn T bảo Hoàng Đức D về nhà để đợi. Khoảng một tuần sau, Trần Văn T thuê được nhà ông Hoàng Xuân L, trú tại thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn, Trần Văn T đưa Hoàng Đức D đi lên nhà trọ đã thuê và lấy xe mô tô cũ để Hoàng Đức D ở và đi bán lẻ ma túy. Tại nhà trọ Trần Văn T đưa cho Hoàng Đức D 01(một) gói ma túy, 01 (một) cân tiểu ly điện tử và nhiều túi ni lông màu trắng, kẹp miệng để Hoàng Đức D chia nhỏ ma túy và dùng điện thoại có số thuê bao 0329024381 để liên lạc đi bán lẻ ma túy. Trần Văn T biết Hoàng Đức D chưa quen biết nhiều con nghiện trong địa bàn huyện Đ và biết Bế Văn B là người sử dụng ma túy đá, biết nhiều người sử dụng ma túy đá ở huyện Đ nên Trần Văn T đã thuê Bế Văn B cùng Hoàng Đức D bán ma túy đá cho mình. Trần Văn T hứa sẽ trả công cho Bế Văn B 200.000 đồng đến 300.000 đồng một ngày. Bế Văn B đến gặp Hoàng Đức D được Hoàng Đức D đưa gói ma túy đá nhận của Trần Văn T cho Bế Văn B để hai người cùng đi bán. Bế Văn B và Hoàng Đức D đã bán ma túy đá cho Mã Văn T 01 lần với số tiền 300.000 đồng. Ngoài ra Bế Văn B còn trực tiếp bán

ma túy cho Chu Văn L 01 lần với số tiền là 1.400.000 đồng tại Khu *, thị trấn N, huyện Đ; bán cho Vy Hồng C 01 lần với số tiền là 200.000 đồng, tại Khu *, thị trấn Đ, huyện Đ; bán cho Bế Văn K 02 lần với số tiền là 700.000 đồng và bán cho mọt số người khác không xác định được. Số ma túy mà Bế Văn B và Hoàng Đức D bán được với số tiền hơn 4.000.000 đồng, Bế Văn B cầm số tiền này và tiêu dùng hết, Trần Văn T biết được việc Bế Văn B đã tiêu hết tiền và chưa trả cho Trần Văn T đồng nào. Ngoài việc bán lẻ ma túy của Trần Văn T đưa cho, Hoàng Đức D và Bế Văn B còn lấy ma túy đá ra để sử dụng.

Sau khi bán và sử dụng hết gói ma túy đá Trần Văn T đưa cho, Hoàng Đức D gọi điện thoại thông báo cho Trần Văn T biết và bảo Trần Văn T lấy thêm ma túy đá về bán, Trần Văn T đồng ý rồi tiếp tục liên lạc qua điện thoại với người phụ nữ lần trước để mua tiếp ma túy với số tiền là 8.000.000 (tám triệu đồng), người phụ nữ này đồng ý, Trần Văn T gọi điện thoại bảo Hoàng Đức D đi cùng Trần Văn T lấy ma túy, Hoàng Đức D đồng ý và một mình đi xe khách từ thôn B, xã L xuống nhà Trần Văn T, Trần Văn T đưa số tài khoản của người phụ nữ bán ma túy cho Hoàng Đức D cùng 8.000.000 (tám triệu đồng) bảo Hoàng Đức D đi chuyển tiền vào số tài khoản mà Trần Văn T đưa cho. Hoàng Đức D lấy số tài khoản và tiền đi ra cửa hàng mua bán điện thoại không nhớ địa chỉ ở thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang để chuyển tiền. Chuyển tiền xong Hoàng Đức D quay lại nhà Trần Văn T, khoảng 23 giờ cùng ngày người phụ nữ bán ma túy gọi điện thoại hẹn Trần Văn T đến địa điểm lấy ma túy, Trần Văn T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 12A-142.53 mượn của Đặng Hiệu V chở Hoàng Đức D cùng đến khu vực cầu A thuộc xóm H, xã V, huyện S để lấy ma túy. Lấy được ma túy, Trần Văn T cùng Hoàng Đức D về nhà trọ tại thôn B, xã L. Tại đây Trần Văn T chia số ma túy mua được ra thành ba gói, Trần Văn T đưa cho Hoàng Đức D một gói ma túy và bảo Hoàng Đức D chia đều thành các gói nhỏ để bán lẻ lấy 6.200.000 đồng, hai gói ma túy còn lại Trần Văn T cất giấu không để Hoàng Đức D biết. Sau khi Hoàng Đức D bán hết gói ma túy thì Trần Văn T tiếp tục đưa thêm cho Hoàng Đức D hai lần, mỗi lần một gói ma túy để Hoàng Đức D bán, số tiền Hoàng Đức D bán được ma túy đã chuyển cho Trần Văn T 03 lần với tổng số tiền là 6.700.000 đồng. Ngày 30/3/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đình Lập đã tiến hành khám xét chỗ ở trọ của Hoàng Đức D tại thôn B, xã L, huyện Đ thu giữ 05 túi ni lông màu trắng, dạng túi kẹp miệng, bên trong có chứa các chất tinh thể màu trắng là số ma túy đá Trần Văn T đưa cho Hoàng Đức D để bán nhưng chưa bán hết cùng các vật chứng liên quan.

Quá trình điều tra xác định được Hoàng Đức D tham gia bán ma túy thuê cho Trần Văn T như sau: Giữa tháng 3/2021 không nhớ rõ ngày, giờ, địa điểm cụ thể Hoàng Đức D đã bán ma túy cho Bán cho Bế Văn K, trú tại: thôn B, xã T, huyện Đ 03 lần mỗi lần 300.000 đồng; bán cho Trần Đại N, trú tại: Khu *, thị trấn Đ, huyện Đ 02 lần với tổng số tiền là 1.000.000 đồng; bán cho Vy Hồng C, trú tại: Khu *, thị trấn Đ, huyện Đ 01 lần với số tiền là 200.000 đồng; bán cho Dương Văn H, trú tại: Khu *, thị trấn N, huyện Đ 01 lần với số tiền là 700.000 đồng; bán cho Mã Văn T, trú tại: Khu *, TT Đ, huyện Đ 01 lần với số tiền là

300.000 đồng; bán cho Bế Công D, trú tại: Thôn P, xã B, huyện Đ 02 lần với tổng số tiền là 600.000 đồng; bán cho Vi Đức M, trú tại: thôn K, xã C, huyện Đ 03 lần với tổng số tiền là 3.800.000 đồng.

Trong tháng 3/2021 Trần Văn T trực tiếp bán ma túy cho Vi Đức M và Lý Văn C mỗi người 02 lần với tổng số tiền bán cho mỗi người là 1.300.000 đồng.

Trong thời gian đầu tháng 3/2021 không nhớ ngày và giờ cụ thể Lý Văn C mua ma túy với Trần Văn T 02 lần cụ thể: Lần 1 Lý Văn C gọi điện cho Trần Văn T hỏi mua ma túy dạng đá với số tiền là 300.000 đồng, Trần Văn T mang ma túy đến ngã tư đường tránh thuộc thị trấn Đ bán cho Lý Văn C. Lần 2 Lý Văn C tiếp tục gọi điện cho Trần Văn T để hỏi mua ma túy dạng đá với số tiền là 1.000.000 đồng, Trần Văn T mang ma túy đến Cây xăng gần Nhà nghỉ H thuộc khu *, Thị trấn Đ bán cho Lý Văn C. Sau khi mua ma túy dạng đá với Trần Văn T lần thứ 2, Lý Văn C một mình đi bộ đến quán hát Karaoke P tại khu *, thị trấn Đ để hát. Đến 23 giờ cùng ngày Vi Đức M gọi điện cho Lý Văn C hỏi: "còn ma túy đá không"; Lý Văn C trả lời: "còn, lấy bao nhiêu"; Vi Đức M nói: "500.000 đồng – 600.000 đồng", Lý Văn C bảo Vi Đức M: "lên đón anh ở quán hát P", Vi Đức M điều khiển xe mô tô không rõ biển kiểm soát, không nhớ mượn của ai lên quán P đón Lý Văn C về nơi ở trọ của Vi Đức M và Bế Công D, tại nơi ở trọ của Vi Đức M và Bế Công D, Lý Văn C đã lấy một phần ma túy đá mua được của Trần Văn T trước đó ra để bán cho Vi Đức M lấy số tiền 600.000 đồng. Khoảng 22 giờ ngày 22/3/2021, Lý Văn C tiếp tục gọi điện cho Trần Văn T và Hoàng Đức D hỏi mua ma túy về sử dụng nhưng không liên lạc được. Do trước đây Lý Văn C đã mua ma túy với một người đàn ông tên D không rõ họ, năm sinh và địa chỉ cụ thể trú tại thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang nên Lý Văn C đã gọi điện thoại cho D hỏi mua ma túy đá, D bảo chỉ có Ketamin thôi, Lý Văn C đồng ý mua ma túy Ketamin và bảo D lấy lên phòng 203 nhà nghỉ H thuộc khu *, thị trấn Đ, huyện Đ bán cho Lý Văn C nhưng không nói rõ số lượng cụ thể. Đến 23 giờ cùng ngày D mang ma túy lên phòng 203, nhà nghỉ H bán cho Lý Văn C với số tiền là 16.000.000 đồng, Lý Văn C trả trước cho D số tiền 1.200.000 đồng và hẹn khi nào có tiền thì Lý Văn C sẽ trả nốt cho D. Sau khi mua ma túy với D, Lý Văn C đem ra sử dụng một phần nhưng thấy không đủ phê nên Lý Văn C gọi điện cho D nói ma túy không đủ phê và muốn trả lại ma túy thì D không đồng ý và bắt Lý Văn C phải trả số tiền 16.000.000 đồng. Không trả lại được ma túy mua với D, Lý Văn C cất giấu ma túy ở sau gương trong phòng vệ sinh của phòng nghỉ 203 nhà nghỉ H. Khoảng một tuần sau một người tên C không rõ họ và năm sinh trú tại thành phố M, tỉnh Quảng Ninh là người Lý Văn C quen từ trước đến phòng nghỉ của Lý Văn C, biết C cũng nghiện ma túy nên Lý Văn C nói với C: "có Ke bán mua không", C trả lời "có", Lý Văn C lấy một phần ma túy để bán cho C với giá 6.000.000 đồng vì chưa có tiền nên C hẹn trả tiền cho Lý Văn C sau. Số ma túy mua với D còn lại Lý Văn C để vào túi áo khoác của Lý Văn C để sử dụng dần. Sau đó Lý Văn C mang số ma túy còn lại mua được với D đến phòng trọ của Nông Trường T thuê trọ tại khu *, thị trấn Đ, huyện Đ để Lý Văn C ở cùng Nông Trường T. Ngày 10/4/2021, Lý Văn C đến quán hát Karaoke S thuộc Khu * thị trấn Đ để hát, hát được một lúc Lý Văn C quay về phòng trọ để lấy ma túy Ketamin cất giấu trong túi áo khoác tại phòng trọ

mang đến phòng hát của quán Karaoke S. Lúc này trong phòng hát trên tầng hai có Vi Phương H; Bùi Hoàng H và 03 người phụ nữ Lý Văn C không quen biết, Lý Văn C mang ma túy ra, dùng đĩa đựng hoa quả để đựng ma túy và lấy một điếu thuốc lá bỏ phần lõi thuốc, sau đó dùng một tờ tiền polime mệnh giá 100.000đ cuộn lại, đút vào điếu thuốc lá làm ống hút và sử dụng ma túy, thấy vậy nên Vi Phương H và Bùi Hoàng H vào cùng sử dụng ma túy Lý Văn C mang đến. Khi sử dụng xong vẫn còn ma túy Lý Văn C tiếp tục mang ma túy về cất giấu tại phòng trọ của Nông Trường T với mục đích cất đi để sử dụng sau. Ngày 12/4/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đình Lập khám xét chỗ ở của Lý Văn C, thu giữ một túi ni lông màu trắng kích thước 6cm x 8,5cm, bên trong đựng các chất tinh thể màu trắng đã mua của D trước đó. Ngoài việc bán ma túy cho Vi Đức M và người tên C, cũng trong tháng 3/2021 không nhớ rõ ngày, giờ và địa điểm cụ thể, Lý Văn C còn bán ma túy cho Trần Đại N 01 lần với số tiền là 300.000 đồng là ma túy Lý Văn C mua với người phụ nữ tên Võ Thị Kim T, sinh năm 1992 đến ở tại nhà của Vi Công S, trú tại thôn B, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn.

Tại bản kết luận giám định số 139/KL - PC09 ngày 31/3/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận Chất tinh thể màu trắng thu giữ tại phòng trọ của Hoàng Đức D gửi giám định đều là chất ma túy Methamphetamine, có tổng khối lượng 1.182 gam (đã trừ bì).

Tại bản kết luận giám định số 152/KL - PC09 ngày 14/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận Chất tinh thể màu trắng thu được tại phòng trọ của Lý Văn C gửi giám định có khối lượng 0.723 gam (đã trừ bì), không tìm thấy chất ma túy.

Tại bản cáo trạng số 08/CT-VKS-ĐL, ngày 07/10/2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn truy tố các bị cáo Trần Văn T về tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Lý Văn C về các tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự và tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Hoàng Đức D và Bế Văn B về tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai:

Mã Văn T khai tại cơ quan điều tra và đơn đề nghị xét xử vắng mặt được mua ma túy với Bế Văn B và Hoàng Đức D 01 lần với số tiền 300.000 đồng. Tài sản bị thu là 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE, màu bạc, bên trong máy có gắn 01 (một) thẻ sim VIETTEL, có số thuê bao: 0925821991, điện thoại của Mã Văn T dùng vào việc liên lạc để mua ma túy về sử dụng nên không yêu cầu trả lại.

Chu Văn L khai tại cơ quan điều tra và đơn đề nghị xét xử vắng mặt được mua ma túy với Bế Văn B và Hoàng Đức D 01 lần với số tiền 1.400.000 đồng. Tài sản thu giữ là 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu đen, bên trong máy có gắn 01 (một) thẻ sim VIETTEL, số thuê bao: 0375570555, điện thoại cũ đã qua sử dụng, điện thoại của Chu Văn L dùng vào việc liên lạc để mua ma túy về sử dụng nên không yêu cầu trả lại .

Vy Hồng C khai tại cơ quan điều tra và đơn đề nghị xét xử vắng mặt được mua ma túy với Bế Văn B và Hoàng Đức D 01 lần với số tiền 200.000 đồng. Tài sản bị thu giữ là 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu đen, bên trong máy có gắn 01 (một) thẻ sim VIETTEL, có số thuê bao: 0862973368, điện thoại cũ đã qua sử dụng, điện thoại của Vy Hồng C dùng vào việc liên lạc để mua ma túy về sử dụng nên không yêu cầu trả lại.

Bế Văn K khai tại cơ quan điều tra và đơn đề nghị xét xử vắng mặt được mua ma túy với Bế Văn B và Hoàng Đức D 02 lần với số tổng số tiền 700.000 đồng. Tài sản thu giữ là 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE SE, màu vàng - đồng, bên trong máy có gắn 01 (một) thẻ sim VINAPHONE, có số thuê bao: 0946593611, điện thoại của Bế Văn K dùng vào việc liên lạc để mua ma túy về sử dụng nên không yêu cầu trả lại.

Dương Văn H khai tại cơ quan điều tra và đơn đề nghị xét xử vắng mặt được mua ma túy với Hoàng Đức D 02 lần với số tổng số tiền 700.000 đồng. Tài sản thu giữ là 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VSMART, màu xanh, bên trong máy có gắn 01 (một) thẻ sim VIETTEL có số thuê bao: 0972288725, điện thoại của Dương Văn H dùng vào việc liên lạc để mua ma túy về sử dụng nên không yêu cầu trả lại.

Vi Đức M khai tại cơ quan điều tra và đơn đề nghị xét xử vắng mặt được mua ma túy với Hoàng Đức D 03 lần với số tổng số tiền 3.800.000 đồng; mua ma túy với Trần Văn T 02 lần tổng số tiền là 1.300.000 đồng; mua với Lý Văn C 01 lần với số tiền là 600.000 đồng. Tài sản bị thu giữ là 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu đen, bên trong máy có gắn 01 (một) thẻ sim VIETTEL có số thuê bao: 0354847201, điện thoại của Vi Đức M dùng vào việc liên lạc để mua ma túy về sử dụng nên không yêu cầu trả lại.

Trần Đại N khai tại cơ quan điều tra và đơn đề nghị xét xử vắng mặt được mua ma túy với Lý Văn C 01 lần với số tổng số tiền 300.000 đồng. Tài sản bị thu giữ là 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, không rõ nhãn hiệu, màu xanh, bên trong máy có gắn 01 (một) thẻ sim VIETTEL, số thuê bao: 0967081993, điện thoại của Trần Đại N dùng vào việc liên lạc để mua ma túy về sử dụng nên không yêu cầu trả lại.

Bế Công D khai được sử dụng ma túy cùng với Vi Đức M tại phòng trọ và trả tiền 50.000 đồng cho Vi Đức M để cùng sử dụng ma túy.

Bùi Hoàng H khai được sử dụng ma túy cùng với Lý Văn C và Vi Phương H tại phòng hát tầng 2 quán Karaoke S nhưng không có cảm giác khác thường

so với việc không sử dụng, ma túy do Lý Văn C mang đến, phòng hát hôm đó không biết ai mời và trả tiền hát.

Vi Phương H khai được sử dụng ma túy cùng với Lý Văn C và Bùi Hoàng H tại phòng hát tầng 2 quán Karaoke S nhưng không có cảm giác khác thường so với việc không sử dụng, ma túy do Lý Văn C mang đến, phòng hát hôm đó không biết ai mời và trả tiền hát.

Đào Thủy T khai tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt: Đã đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập nộp 7.000.000 đồng thay cho Trần Văn T để nộp ngân sách Nhà nước đối với khoản tiền do Trần Văn T mua bán trái phép chất ma túy mà có, chị không yêu cầu Trần Văn T trả lại.

Trong phần tranh luận, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa rút quyết định truy tố về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đối với Lý Văn C, vì Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007, hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII "Các tội phạm về ma túy" của Bộ luật Hình sự năm 1999, Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao, Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao còn có xung đột pháp luật trong việc xử lý hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, chưa có văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất Điều 255 Bộ luật Hình sự; thay đổi quyết định truy tố từ tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự sang tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 256 Bộ luật Hình sự đối với Trần Văn T, vì tại phiên tòa xác định số ma túy Trần Văn T đưa cho Hoàng Đức D sử dụng là để trả công cho Hoàng Đức D trong việc Hoàng Đức D đi cùng Trần Văn T mua ma túy; còn hành vi cho Hoàng Đức D sử dụng ma túy tại nhà là do Hoàng Đức D cùng đi mua ma túy về chưa có chỗ ở nên Trần Văn T cho Hoàng Đức D ở qua đêm và sử dụng ma túy, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội "Mua bán trái phép chất ma tuý" và tội "Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy". Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 251; khoản 1 Điều 256; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, 55 và Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 7 năm 8 tháng đến 8 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, tổng hợp hình phạt chung của 02 tội buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 09 năm 08 tháng đến 10 năm 06 tháng tù. Các bị cáo Lý Văn C, Hoàng Đức D, Bế Văn B phạm tội mua bán trái phép chất ma túy. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 và Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lý Văn C từ 7 năm 4 tháng đến 7 năm 8 tháng tù; Xử phạt bị cáo Hoàng Đức D từ 7 năm 02 tháng đến 7 năm 6 tháng tù; Xử phạt bị cáo Bế Văn B từ 7 năm đến 7 năm 4 tháng tù. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo do các bị cáo không có công việc và thu nhập ổn định, không có tài sản riêng.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đề nghị tịch thu để tiêu hủy gồm: 02 (hai) túi ni lông màu trắng, dạng túi kẹp díp, có kích thước 04cm x 06cm, bên trong đựng các túi ni lông màu trắng có kích thước 1.5cm x 02cm, cụ thể số lượng: 01 (một) túi đựng 20 (hai mươi) túi ni lông; 01 (một) túi đựng 42 (bốn mươi hai) túi ni lông; 01 (một) bình nhựa bên trong có chứa nước và vòi nhựa màu xanh + hồng, miệng bình có gắn vòi thủy tinh hình thù không xác định, phía chân bình được gắn với đế chân quạt bằng nhựa màu đen, nhãn hiệu "ĐIỆN CƠ KAWACHI"; 01 (một) cân tiểu ly điện tử, màu sơn bạc, không rõ nhãn hiệu, kích thước 12cm x 06cm, trên mặt trước của cân có 05 nút bấm có in chữ nước ngoài, mặt sau của cân có dán tem hình tròn, đường kính 1,5cm, trên tem in chữ 500g/0,1g/QC.PASS; Một phong bì ghi chữ "05 túi ma túy đá" (cũ), được niêm phong bằng chữ ký cùng tên của giám định viên Bùi Anh Thái, trợ lý giám định và các hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới. Bên trong có: 01 (một) túi ni-lon (cũ) đựng tổng cộng 1,087 gam Methamphetamin; Một phong bì ghi chữ "Ketamin thu giữ của Lý Văn C" (cũ), được niêm phong bằng: chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh Hà, trợ lý giám định và các hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới. Bên trong có: 01 (một) túi ni-lon (cũ) đựng 0,658 gam chất tinh thể màu trắng.

Đề nghị tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước những vật chứng có giá trị đã sử dụng vào việc phạm tội hoặc liên quan đến việc phạm tội. Tịch thu, truy thu số tiền do các bị cáo phạm tội mà có.

Các bị cáo không có ý kiến gì tranh luận với Kiểm sát viên.

Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Đức D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo với mức án thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị.

Lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa rút quyết định truy tố về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đối với Lý Văn C là có căn cứ; thay đổi quyết định truy tố từ tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự sang tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 256 Bộ luật Hình

sự đối với Trần Văn T, căn cứ các Điều 298 và 325 Bộ luật Tố tụng Hình sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản khám xét chỗ ở của các bị cáo, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trong tháng 3 năm 2021 Trần Văn T đã bỏ tiền để mua ma túy đá rồi cùng với Hoàng Đức D đi mua ma túy sau đó trả công cho Hoàng Đức D bằng ma túy và cho Hoàng Đức D sử dụng ma túy tại nhà của Trần Văn T; thuê nhà trọ, mua xe mô tô cho Hoàng Đức D để Hoàng Đức D và Bế Văn B đi bán lẻ ma túy đá thuê cho Trần Văn T tại địa bàn huyện Đ để kiếm lời, ngoài ra Trần Văn T còn trực tiếp bán ma túy cho Lý Văn C và Vi Đức M mỗi người 02 lần. Hoàng Đức D và Bế Văn B đã trực tiếp bán trái phép chất ma túy cho nhiều người tại địa bàn huyện Đ. Lý Văn Công mua ma túy đá với Trần Văn T và ma túy Ketamin với người tên D (không rõ họ, địa chỉ cụ thể) và Võ Thị Kim T để sử dụng và bán lại ma túy cho nhiều người, ngoài ra Lý Văn C còn cung cấp chất mà theo Lý Văn C cho rằng là ma túy cho Bùi Hoàng H và Vi Phương H sử dụng tại quán hát Karaoke S, thuộc khu *, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn nhưng qua giám định không phát hiện chất ma túy. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Văn T phạm các tội Mua bán trái phép chất ma túy và tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, các bị cáo Lý Văn C, Hoàng Đức D và Bế Văn B phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập truy tố bị cáo Trần Văn T về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm a, b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan; Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa thay đổi quyết định truy tố từ tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự sang tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 256 Bộ luật Hình sự đối với Trần Văn T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan. Cáo trạng truy tố bị cáo Lý Văn C về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan; Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phần tranh luận rút quyết định truy tố tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự đối với Lý Văn C là có căn cứ, không bỏ lọt tội phạm. Cáo trạng truy tố các bị cáo Hoàng Đức D và Bế Văn B về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, không oan.

[3] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Bị cáo Trần Văn T là người bỏ tiền ra để mua ma túy 02 lần, mỗi lần 8.000.000 đồng, tổng là 16.000.000 đồng, thuê nhà trọ, chuẩn bị xe mô tô, điện thoại di động và thuê

Hoàng Đức D, Bế Văn B bán lẻ ma túy đồng thời còn trực tiếp bán ma túy 02 lần cho Lý Văn C, Vi Đức M và cho sử dụng địa điểm là nhà ở của mình để Hoàng Đức D sử dụng trái phép chất ma túy vì vậy có vai trò chính quyết định trong vụ án này. Bị cáo Lý Văn C trực tiếp liên lạc với Trần Văn T để mua ma túy 02 lần; mua với người tên D 01 lần, mua với người phụ nữ tên Võ Thị Kim T 01 lần đem về vừa sử dụng, vừa bán ma túy cho người tên C 01 lần, bán cho Vi Đức M và Trần Đại N mỗi người 01 lần, đồng thời còn cung cấp chất theo nhận thức chủ quan của Lý Văn C là ma túy cho Vi Phương H và Bùi Hoàng H sử dụng tại quán Karaoke S nhưng qua giám định chất mà Lý Văn C đã cung cấp không phải là ma túy, vì vậy xác định Lý Văn C có vai trò tích cực sau Trần Văn T, hành vi phạm tội của Lý Văn C không liên quan đến các bị cáo Hoàng Đức D và Bế Văn B. Bị cáo Hoàng Đức D là người được Trần Văn T thuê bán lẻ ma túy đá cho Trần Văn T, được cùng Trần Văn T đi mua ma túy 02 lần và đã bán ma túy thuê cho Trần Văn T nhiều lần nên có vai trò tích cực trong việc bán thuê ma túy, tính chất mức độ hành vi phạm tội là sau bị cáo Trần Văn T. Bị cáo Bế Văn B được Trần Văn T thuê bán ma túy đã tham gia tích cực và bán ma túy cho Trần Văn T nhiều lần với số tiền bán được hơn 4.000.000 đồng đã sử dụng cá nhân hết nên có vai trò tích cực trong việc bán ma túy thuê cho Trần Văn T, tính chất mức độ hành vi thấp hơn Hoàng Đức D trong vụ án.

[4] Xét về nhân thân, thấy rằng các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự nên được coi là có nhân thân tốt. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Do đó, các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Văn T đã tác động gia đình nộp số tiền 7.000.000 đồng là tiền do phạm tội mà có; các bị cáo Hoàng Đức D, Lý Văn C và Bế Văn B là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo Hoàng Đức D thuộc hộ cận nghèo nên các bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài các tình tiết tăng nặng định khung hình phạt như Cáo trạng đã xác định, các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt, xét tính chất mức độ hành vi phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Trần Văn T là nghiêm trọng, vi phạm quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng các chất ma túy, gây mất ổn định an ninh trật tự tại địa phương. Hành vi mua bán trái phép chất ma túy của các bị cáo và hành vi Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Trần Văn T là nguồn gốc phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Các bị cáo đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi mua bán trái phép chất ma túy và Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm và để các bị cáo cải tạo thành những công dân có ích cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung là phạt tiền, qua xác minh tại địa phương, các bị cáo không có công việc ổn định, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Đối với người phụ nữ bán ma túy đá cho Trần Văn T, không biết họ tên, năm sinh và địa chỉ cụ thể, Trần Văn T và Hoàng Đức D không nhớ rõ số điện thoại và số tài khoản của người phụ nữ nên không có cơ sở để điều tra, xác minh. Đối với người đàn ông tên D bán ma túy cho Lý Văn C nhưng do Lý Văn C không biết rõ họ tên, địa chỉ của D nên không đủ cơ sở để điều tra, xác minh. Đối với người đàn ông tên C mua ma túy của Lý Văn C nhưng không biết rõ họ tên, địa chỉ của C nên không đủ cơ sở để điều tra, xác minh. Đối với người phụ nữ tên Võ Thị Kim T đến ở tại nhà của Vi Công S, qua xác minh hiện tại Vi Công S không biết Võ Thị Kim T đã đi đâu, đồng thời cũng không biết địa chỉ cụ thể nên không đủ cơ sở để điều tra, xác minh. Đối với hành vi Bế Văn K, Vi Đức M, Trần Đại N, Vy Hồng C, Mã Văn T, Chu Văn L, Dương Văn H, Vi Phương H, Bùi Hoàng H, Bế Công D, Mã Trường L, Lý Văn T, thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy, quá trình điều tra đã xác định chỉ mua ma túy về với mục đích sử dụng cá nhân, nên không có căn cứ xử lý hình sự, Công an huyện Đình Lập đã lập hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật. Đối với số chất Lý Văn C cho rằng là ma túy đã thu giữ tại phòng trọ của Lý Văn C, Lý Văn C khai là Ketamin đã mua của D sau đó bán lại cho C, phần còn lại Lý Văn C cho Vi Phương H và Bùi Hoàng H cùng sử dụng tại quán Karaoke S, sử dụng chưa hết Lý Văn C cất giấu để sử dụng tiếp, căn cứ kết luận giám định số 152/KL - PC09 ngày 14/4/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn, kết luận chất tinh thể màu trắng gửi giám định có khối lượng 0.723 gam (đã trừ bì), không tìm thấy chất ma túy nên không xem xét xử lý tội Tàng trữ trái phép chất ma túy đối với Lý Văn C. Đối với chiếc xe ô tô BKS: 12A - 142.53 là xe ô tô của Đặng Hiệu V, sinh ngày 08/12/1989, trú tại thôn P, xã L, huyện Đ, tỉnh Lạng Sơn cho Trần Văn T mượn để đi lại, Đặng Hiệu V không biết Trần Văn T dùng xe ô tô để đi mua bán ma túy đá. Đối với Đào Thủy T là vợ của Trần Văn T, sau khi hành vi Mua bán trái phép chất ma túy của Trần Văn T và Hoàng Đức D bị phát hiện bắt giữ thì Đào Thủy T mới biết về việc Mua bán trái phép chất ma túy của Trần Văn T và Hoàng Đức D hành vi của Đào Thủy T không cấu thành tội Che dấu tội phạm hoặc tội không tố giác tội phạm. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét xử lý trong vụ án.

[8] Về vật chứng trong vụ án cần tịch thu tiêu hủy gồm các vật chứng là vật cấm lưu hành và không có giá trị có liên quan đến việc phạm tội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[9] Vật chứng trong vụ án cần tịch thu hóa giá nộp ngân sách Nhà nước gồm các vật chứng đã sử dụng vào việc phạm tội hoặc liên quan đến việc phạm tội và có giá trị như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[10] Đối với các số tiền 6.700.000đồng bị cáo Hoàng Đức D bán ma túy thuê đã chuyển cho Trần Văn T; số tiền 1.300.000 đồng Trần Văn T đã bán ma túy cho Lý Văn C và số tiền 1.300.000 đồng Trần Văn T đã bán ma túy cho Vi

Đức M đều là tiền do Trần Văn T phạm tội mà có tổng số tiền là 9.300.000 đồng cần truy thu nộp Ngân sách Nhà nước. Ngày 22/11/2021 chị Đào Thủy T đã nộp thay cho Trần Văn T số tiền 7.000.000 đồng, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn, theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004108, chị Đào Thủy T không yêu cầu bị cáo Trần Văn T trả lại số tiền đã nộp.

[11] Đối với số tiền 4.000.000 đồng Bế Văn B bán ma túy thuê cho Trần Văn T nhưng chưa trả cho Trần Văn T mà tiêu dùng cá nhân hết, đây là tiền do Bế Văn B phạm tội mà có cần truy thu nộp Ngân sách Nhà nước. Đối với Hoàng Đức D bán ma túy cho nhiều người số tiền bán được một phần đã chuyển cho Trần Văn T và bị những người mua nợ tiền nên không xác định được số tiền mà Hoàng Đức D được lợi từ việc bán ma túy nên không xem xét truy thu.

[12] Đối với số tiền 600.000 đồng Lý Văn C bán ma túy cho Vi Đức M và số tiền 300.000 đồng bán ma túy cho Trần Đại N là tiền do Lý Văn C phạm tội mà có đã tiêu dùng cá nhân hết, cần truy thu nộp ngân sách Nhà nước

[13] Xét đề nghị của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa về rút quyết định truy tố tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đối với Lý Văn C là có căn cứ, vì hành vi của Lý Văn C cung cấp chất cho Vi Phương H và Bùi Hoàng H sử dụng tại quán Karaoke S qua giám định không phải là chất ma túy mặt khác Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007, hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Chương XVIII "Các tội phạm về ma túy" của Bộ luật Hình sự năm 1999; Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 của Tòa án nhân dân tối cao; Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 của Tòa án nhân dân tối cao còn có xung đột pháp luật trong việc xử lý tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, đến nay chưa có văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất Điều 255 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử cần chấp nhận việc rút truy tố tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đối với bị cáo Lý Văn C . Đối với đề nghị thay đổi quyết định truy tố từ tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự sang tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 256 Bộ luật Hình sự đối với Trần Văn T thấy rằng việc thay đổi này không thuộc trường hợp phải trả hồ sơ cho Viện kiểm sát và việc thay đổi quyết định truy tố của Kiểm sát viên là có căn cứ, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 298 và 325 Bộ luật Tố tụng Hình sự tiến hành xét xử bị cáo Trần Văn T về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ. Hành vi Trần Văn T cung cấp chất ma túy cho Hoàng Đức D sử dụng là do Hoàng Đức D đi cùng với Trần Văn T mua ma túy được Trần Văn T trả công; hành vi Trần Văn T cho Hoàng Đức D sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của Trần Văn T xuất phát từ việc Hoàng Đức D cùng Trần Văn T đi mua ma túy về chưa có chỗ ở nên Trần Văn T cho Hoàng Đức D ngủ qua đêm tại nhà và sử dụng ma túy, hành vi này cấu thành tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy, vì vậy Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy là đảm bảo đúng người, đúng tội, không oan.

[14] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đình Lập thực hành quyền công tố tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt và các nội dung khác của vụ án là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Lời đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Hoàng Đức D về xử bị cáo mức án thấp nhất theo mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là không có căn cứ nên không được chấp nhận. Lời nói sau cùng của các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử đánh giá xem xét theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Các bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 251; khoản 1 Điều 256; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, 55 và 58; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Văn T;

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50 và 58; khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lý Văn C, Hoàng Đức D và Bế Văn B.

Căn cứ vào các Điều 298 và 325 Bộ luật Tố tụng Hình sự đối với các bị cáo Trần Văn T, Lý Văn C;

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với tất cả các bị cáo.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm các tội Mua bán trái phép chất ma túy và Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Các bị cáo Lý Văn C, Hoàng Đức D và Bế Văn B phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Chấp nhận việc Kiểm sát viên rút quyết định truy tố tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy đối với bị cáo Lý Văn C tại phiên tòa.

2. Về hình phạt

2.1. Xử phạt bị cáo Trần Văn T 07 (bẩy) năm 09 (chín) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và 02 (hai) năm tù về tội Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt của hai tội buộc bị cáo Trần Văn T phạt chấp hành là 09 (chín) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 06 tháng 4 năm 2021.

2.2. Xử phạt bị cáo Lý Văn C 07 (bẩy) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 12 tháng 4 năm 2021.

2.3. Xử phạt bị cáo Hoàng Đức D 07 (bẩy) năm 03 (ba) tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 30 tháng 3 năm 2021.

2.4. Xử phạt bị cáo Bế Văn B 07 (bẩy) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam ngày 06 tháng 4 năm 2021.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu tiêu hủy gồm:

- 02 (hai) túi ni lông màu trắng, dạng túi kẹp díp, có kích thước 04cm x 06cm, bên trong đựng các túi ni lông màu trắng có kích thước 1.5cm x 02cm, cụ thể số lượng: 01 (một) túi đựng 20 (hai mươi) túi ni lông; 01 (một) túi đựng 42 (bốn mươi hai) túi ni lông.

- 01 (một) bình nhựa bên trong có chứa nước và vòi nhựa màu xanh + hồng, miệng bình có gắn vòi thủy tinh hình thù không xác định, phía chân bình được gắn với đế chân quạt bằng nhựa màu đen, nhãn hiệu "ĐIỆN CƠ KAWACHI".

- 01 (một) cân tiểu ly điện tử, màu sơn bạc, không rõ nhãn hiệu, kích thước 12cm x 06cm, trên mặt trước của cân có 05 nút bấm có in chữ nước ngoài, mặt sau của cân có dán tem hình tròn, đường kính 1,5cm, trên tem in chữ 500g/0,1g/QC.PASS.

- Một phong bì ghi chữ "05 túi ma túy đá" (cũ), được niêm phong bằng chữ ký cùng tên của giám định viên Bùi Anh Thái, trợ lý giám định và các hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới. Bên trong có: 01 (một) túi ni-lon (cũ) đựng tổng cộng 1,087 gam Methamphetamin.

- Một phong bì ghi chữ "Ketamin thu giữ của Lý Văn C" (cũ), được niêm phong bằng: chữ ký cùng tên của giám định viên Hoàng Mạnh Hà, trợ lý giám định và các hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự tại phần giáp lai mới. Bên trong có: 01 (một) túi ni-lon (cũ) đựng 0,658 gam chất tinh thể màu trắng.

3.2. Tịch thu hóa giá sung ngân sách Nhà nước gồm:

- 01 (một) Điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone màu xám, màn hình điện thoại bị nứt vỡ, số IME: 013733000441247; bên trong điện thoại lắp một sim Viettel số thuê bao 0329024381, trên sim có dãy số 8984048000316880963 điện thoại trên của Hoàng Đức D sử dụng vào việc liên lạc để bán ma túy (đựng trong phong bì đã niêm phong).

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu LONGCIN, màu sơn nâu đỏ, xe đã cũ nát không có yếm chắn gió, không có hệ thống giảm thanh, số máy: LC150FMJ01728661, không xác định được số khung, trên xe lắp biển kiểm soát

20L2-3527, hệ thống đèn phanh bị vỡ nát, xe không có gương chiếu hậu bên phải và không có hộp xích, không tạm giữ chìa khóa xe.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu OPPO, màu đen, số IME1: 865613058312632, số IMEI2: 8656130058312624, bên trong máy có gắn 01 (một) thẻ sim VIETTEL có số thuê bao: 0354847201, trên Sim số seri: 8984 048000 00437 22957, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Vi Đức M (đựng trong phong bì đã niêm phong).

- 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X(10), màu xanh số IME1: 353051098410851, số IMEI2:35305109841085, bên trong máy có gắn 01 (một) thẻ sim VINAPHONE, số seri: 898402000 11188024390, có số thuê bao: 0832167852, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Trần Văn T (đựng trong phong bì đã niêm phong).

- 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VIVO, màu xanh, số IME1: 861325045003810, số IMEI2: 8613325045002802, bên trong máy có gắn 02 (hai) thẻ sim VIETTEL: Số thuê bao: 0865621805, trên Sim số seri: 8984 04800 039073766; Số thuê bao: 0383254708, trên Sim số seri: 8984 04800 8820996542, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Bế Văn B.

- 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG, màu xanh, số IME1: 352808093719169, số IMEI2: 352809093719167, bên trong máy có gắn 01 (một) thẻ sim VIETTEL: Số thuê bao: 0869792391, trên Sim số seri: 8984 048000 07753 4078, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Lý Văn Công (đựng trong phong bì đã niêm phong).

- 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số serial: 357342082069779, bên trong máy có gắn 01 (một) thẻ sim VIETTEL, có số thuê bao: 0862973368, trên Sim số seri: 8984 04800 03023 72499, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Vy Hồng C (đựng trong phong bì đã niêm phong).

- 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE SE, màu vàng - đồng, số IMEI: 358542072133985, bên trong máy có gắn 01 (một) thẻ sim VINAPHONE, có số thuê bao: 0946593611, trên Sim số seri: 89840 20001 12167 08444, điện thoại cũ đã qua sử dụng màn hình điện thoại bị nứt vỡ, vỏ điện thoại có nhiều vết trầy xước của Bế Văn K (đựng trong phong bì đã niêm phong).

- 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu IPHONE, màu bạc, số IMEI: 353261077923663, bên trong máy có gắn 01 (một) thẻ sim VIETTEL, có số thuê bao: 0925821991, trên Sim số seri: 8984 04800 00669 58566, điện thoại cũ đã qua sử dụng có nhiều vết trầy xước của Mã Văn T (đựng trong phong bì đã niêm phong).

- 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu VSMART, màu xanh, số IMEI1: 352705112080427, số IMEI2:352705112080435, bên trong máy có gắn 01 (một) thẻ sim VIETTEL có số thuê bao: 0972288725, trên Sim số seri: 8984 0480 0000 2854 094, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Dương Văn H (đựng trong phong bì đã niêm phong).

- 01 (một) chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng, không rõ nhãn hiệu, màu xanh, số IMEI1:354274056789467, số IMEI2:352663055209356, bên trong máy có gắn 01 (một) thẻ sim VIETTEL, số thuê bao: 0967081993, trên Sim số seri:8984 048000 0775304248 màn hình cảm ứng bị nứt vỡ, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Trần Đại N (đựng trong phong bì đã niêm phong).

- 01 (một) chiếc điện thoại di động, nhãn hiệu NOKIA, màu đen, số IMEI: 352433054213233, bên trong máy có gắn 01 (một) thẻ sim VIETTEL, số thuê bao: 0375570555, trên Sim số seri: 8984 0480 0881 8543 609, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Chu Văn L (đựng trong phong bì đã niêm phong).

(Các vật chứng tại mục 3.1 và 3.2 hiện đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07/10/2021).

3.3. Tịch thu và truy thu số tiền do các bị cáo để nộp ngân sách Nhà nước gồm:

Tịch thu của bị cáo Trần Văn T số tiền 7.000.000 (bẩy triệu đồng) tại biên lai thu tiền số AA/2021/0004108, ngày 22/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn do chị Đào Thủy T nộp thay bị cáo Trần Văn T để nộp Ngân sách Nhà nước. Truy thu thêm của bị cáo Trần Văn T số tiền 2.300.000 (hai triệu ba trăm nghìn đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bị cáo Bế Văn B số tiền 4.000.000 (bốn triệu đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước.

Truy thu của bị cáo Lý Văn C số tiền 900.000 (chín trăm nghìn đồng) để nộp Ngân sách Nhà nước.

4. Án phí: Các bị cáo Trần Văn T, Lý Văn C, Hoàng Đức D và Bế Văn B mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Công an huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn;
- Các bị cáo, người bào chữa;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Công Chung